

Số: 187/KH-UBND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBQGCDs ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 5003/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Đồng Nai;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Căn cứ pháp lý

- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến 2025;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 17/QĐ-UBQGCDŞ ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số năm 2023;

- Quyết định số 417/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 01/QĐ-BCĐCĐŞ ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường;

2. Căn cứ thực hiện

- Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 5003/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Đồng Nai;

- Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai";

- Kế hoạch số 59/KH-BCĐCĐŞ ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh về việc hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai năm 2022;

- Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; phát triển nền kinh tế số-xã hội số; bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng.

- Hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp, tăng cường sự tham gia người dân trong các hoạt động cơ quan nhà nước; tăng cường hiệu quả hoạt động và đổi mới trong các cơ quan nhà nước; phát triển dữ liệu mở của cơ quan nhà nước để tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội.

- Đề ra định hướng, phương án, lộ trình triển khai chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 làm cơ sở xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm và tổ chức triển khai chuyển đổi số thống nhất, hiệu quả.

2. Yêu cầu

- Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phải bám sát Quyết định số 417/QĐ-BTNMT; Nghị quyết số 05-NQ/TU; Quyết định số 17/QĐ-UBQGCSĐS và Quyết định số 5003/QĐ-UBND.

- Xác định rõ lộ trình thực hiện, thời gian hoàn thành, phân công trách nhiệm thực hiện, đôn đốc, giám sát đối với cơ quan đơn vị đảm bảo hoàn thành kế hoạch được phê duyệt.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Mục tiêu

- Cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (đủ điều kiện) phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt trên 60%; tối thiểu 92% người dân và doanh nghiệp hài lòng về giải quyết thủ tục hành chính.

- Thực hiện số hóa toàn bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực, thuộc thẩm quyền giải quyết trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (nếu có) đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- 100% lãnh đạo lĩnh vực tài nguyên và môi trường được cấp và sử dụng chữ ký số. 90% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) thông qua việc ứng dụng chữ ký số để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và tính xác thực.

- 100% các hệ thống thông tin lĩnh vực tài nguyên và môi trường được đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP).

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của các cơ quan cấp trên được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

2. Phạm vi thực hiện

Kế hoạch này được triển khai thực hiện trong ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

IV. HIỆN TRẠNG VỀ HẠ TẦNG, NỀN TẢNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Hiện trạng hạ tầng Hệ thống điều hành và tích hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Hiện trạng hạ tầng, thiết bị tại hệ thống chính

- Hệ thống máy chủ: Tổng số máy chủ đặt tại Hệ thống chính gồm 02 tủ máy chủ phiên và 25 máy chủ. Đối với các máy chủ ảo trên các node của HPE Chassis, vị trí có thể không cố định do hệ thống tự chuyển vị trí khi node quá tải hoặc do quản trị viên thực hiện để cân bằng tải giữa các node.

- Thiết bị mạng và tường lửa: Gồm 18 thiết bị mạng và tường lửa. Tổng số lượng thiết bị chuyển mạch Switch là 30 bố trí tại 11 huyện, 09 server, 02 tại Hệ thống dự phòng, 08 tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Tủ Rack: Có 06 tủ rack 42U gắn panel mạng và điện. Trong đó 01 tủ để lắp các thiết bị mạng; 05 tủ để lắp đặt máy chủ, thiết bị sử dụng chung màn hình, bàn phím, chuột cho các máy chủ và thiết bị lưu điện.

- Thiết bị lưu trữ: 03 thiết bị lưu trữ tập trung (SAN); 03 thiết bị sao lưu dự phòng NAS; 01 thiết bị sao lưu dự phòng dữ liệu băng từ; 01 tủ bảo quản băng từ LTO.

- Máy phát điện 30kVA và 04 bộ lưu điện dự phòng.

- Hệ thống giám sát: 01 hệ thống giám sát cửa ra vào; 01 hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động bằng khí; 02 hệ thống chống sét lan truyền dòng điện; 01 hệ thống giám sát môi trường quản lý nhiệt độ và độ ẩm; 03 camera giám sát; 05 màn hình LCD phục vụ giám sát của phòng điều hành.

- Thiết bị khác: 03 máy lạnh; 01 máy hút ẩm; 01 máy hút bụi; 04 thiết bị sử dụng chung màn hình, bàn phím, chuột cho các máy chủ.

b) Phần mềm hệ thống

- Hệ điều hành được cài đặt trên các máy chủ gồm: Microsoft Window Server 2008 R2 Standard; Microsoft Window Server 2012 Standard.

- Các phần mềm chính được cài đặt tại Hệ thống gồm: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu: Oracle Database, Microsoft SQL, PostgreSQL, PostGIS. Các gói giải pháp của ESRI: ArcSDE, Arcgis Server. Tường lửa mềm Microsoft ForeFront 2010 TMG. Phần mềm diệt virus: Kaspersky Endpoint Security for Business Select. HMI/SCADA - iFIX 5.5: Phục vụ việc nhận dữ liệu, điều khiển hệ thống quan trắc tự động. VMWare ESXi vSphere 6.7, vCenter: Quản lý các máy chủ ảo trên nền tảng VMWare.

- Ngoài ra, Phần mềm quản lý sao lưu dữ liệu dự phòng (Store Once 4500). Phần mềm Quản lý thiết bị giám sát môi trường. Phần mềm Quản lý hệ thống lưu trữ tập trung (SAN). Phần mềm Quản lý thiết bị lưu điện APC 30KVA 400V. Phần mềm Mike by DHI Software 2012: tính toán số liệu dự đoán, mô

hình hóa dữ liệu tài nguyên và môi trường. Phần mềm dự báo chất lượng nước theo thời gian thực.

c) Hạ tầng kết nối mạng tài nguyên và môi trường: Các mạng kết nối đến Hệ thống điều hành và tích hợp dữ liệu gồm:

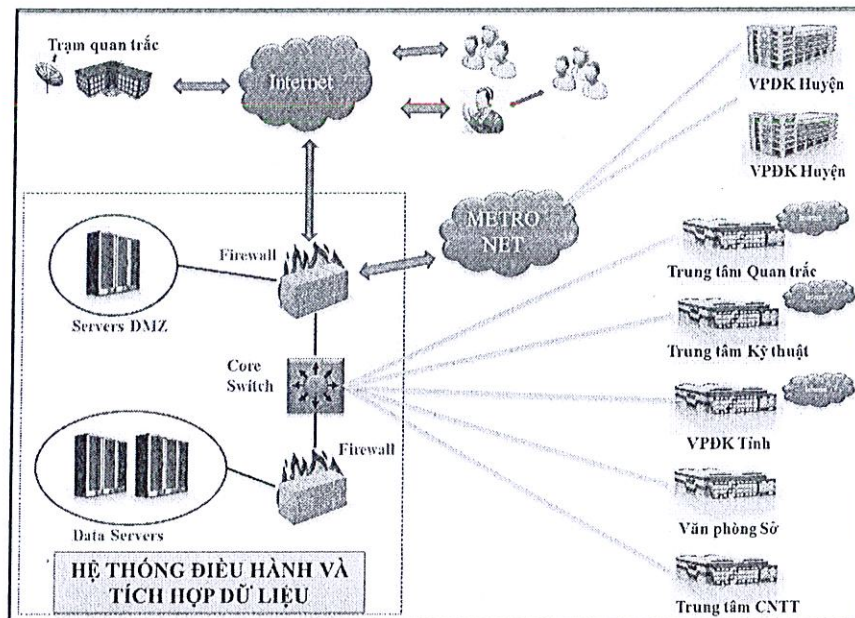
- Mạng WAN (MetroNet) phục vụ hệ thống Văn phòng Đăng ký đất đai một cấp tỉnh Đồng Nai, loại cổng FE: Điểm kết nối Trung tâm Công nghệ thông tin 50 Mbps; Điểm kết nối Văn phòng Đăng ký đất đai - CN thành phố Biên Hòa 8Mbps; Điểm kết nối Văn phòng Đăng ký đất đai - CN thành phố Long Khánh 4Mbps 09 điểm kết nối Văn phòng Đăng ký đất đai - CN cấp huyện 4Mbps.

- Mạng WAN (MetroNet và MetroWan) phục vụ hệ thống khác: Truyền dữ liệu trực tiếp camera giám sát nước thải, khí thải của các công ty, nhà máy, khu công nghiệp về Hệ thống điều hành và tích hợp dữ liệu, loại cổng FE: Điểm kết nối Trung tâm Công nghệ thông tin 12 Mbps; Điểm kết nối Công ty CP Hữu hạn VEDAN Việt Nam 12 Mbps; Điểm kết nối Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa 12 Mbps.

- Mạng Internet và mạng truyền số liệu chuyên dùng

STT	IP Tỉnh	Băng thông (Mbps)	Chức năng
1	118.69.x.x	60	Tiếp nhận quan trắc tự động; Cổng cơ sở dữ liệu; Nhận dữ liệu GPS xe rác;
2	115.78.x.x	45	Cổng thông tin điện tử, các phần mềm web của ngành, FTP Sở Tài nguyên và Môi trường
3	115.78.x.x	45	Tiếp nhận FTP mở đá; Internet dùng chung
4	113.161.x.x	50	Public trang web quản lý đất đai; Ứng dụng mobile đất đai.
5	10.174.x.x	8	Sử dụng phần mềm gửi/nhận email Đồng Nai

- Mạng LAN: Mạng LAN nội bộ tại hệ thống điều hành và tích hợp dữ liệu có băng thông 1 Gbps (tức 1.000 Mbps). Mạng LAN kết nối giữa các tòa nhà trong khuôn viên Sở đến Hệ thống điều hành và tích hợp dữ liệu: sử dụng cáp quang, băng thông 100 Mbps. Các hệ thống mạng LAN khác của ngành tài tài nguyên và môi trường đều sử dụng cáp đồng với băng thông 100 Mbps.



Mô hình kết nối mạng

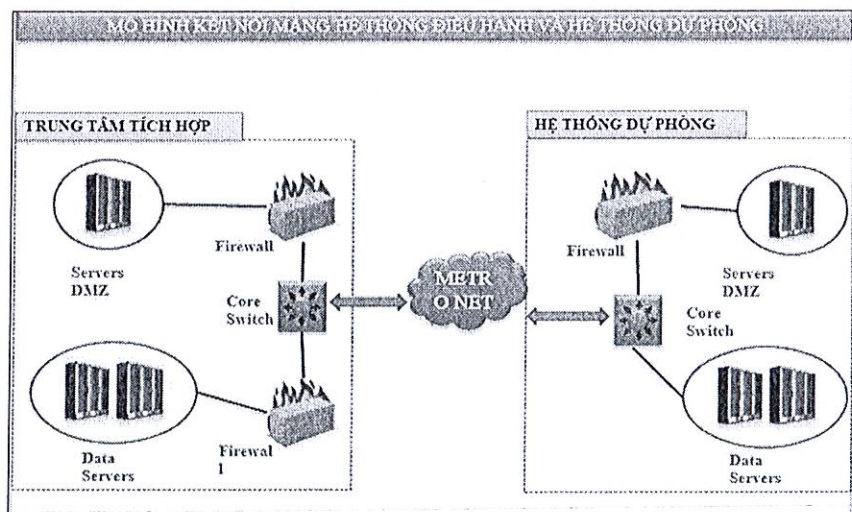
2. Hiện trạng hệ thống dự phòng cho hệ thống điều hành và tích hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Hiện trạng thiết bị của hệ thống:

Tổng số thiết bị đặt tại hệ thống dự phòng gồm: 03 máy chủ ảo hóa; 01 máy chủ quản trị và Backup; 01 Thiết bị lưu trữ SAN; 01 Thiết bị tường lửa; 01 Bộ chuyển mạch lõi Switch; 01 Thiết bị chuyển mạch SAN Switch.

b) Hạ tầng kết nối mạng:

Mô hình kết nối mạng hệ thống điều hành và hệ thống dự phòng



Các mạng kết nối đến hệ thống dự phòng gồm:

- Mạng WAN (MetroNet) kết nối giữa hệ thống dự phòng và hệ thống điều hành và tích hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường: Tốc độ 50Mbps.
- Mạng Internet phục vụ vận hành Cổng Thông tin điện tử và các ứng dụng tài nguyên và môi trường dự phòng.

TT	IP Tĩnh	Băng thông (Mbps)	Chức năng
1	171.24x.x.179 - 171.24x.x.190	20	Kết nối giữa hệ thống dự phòng và hệ thống điều hành và tích hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường

c) Địa điểm đặt hệ thống dự phòng

Hệ thống dự phòng được đặt tại Trung tâm dữ liệu Bình Dương (Viettel IDC Bình Dương) đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật cho Hệ thống dự phòng về vị trí, diện tích, hệ thống làm lạnh, hệ thống mạng, điện..., cụ thể:

Nội dung	Thông số
Không gian máy chủ	21U
Công suất điện	3 kW
Lưu lượng thông tin	Unlimited
Băng thông internet trong nước/quốc tế	100Mbps
Địa chỉ IP	12
Điều hòa, máy nổ, UPS	Có
Hỗ trợ kỹ thuật	24/7

3. Hiện trạng về triển khai Chính phủ điện tử

a) Hiện trạng các ứng dụng đang sử dụng

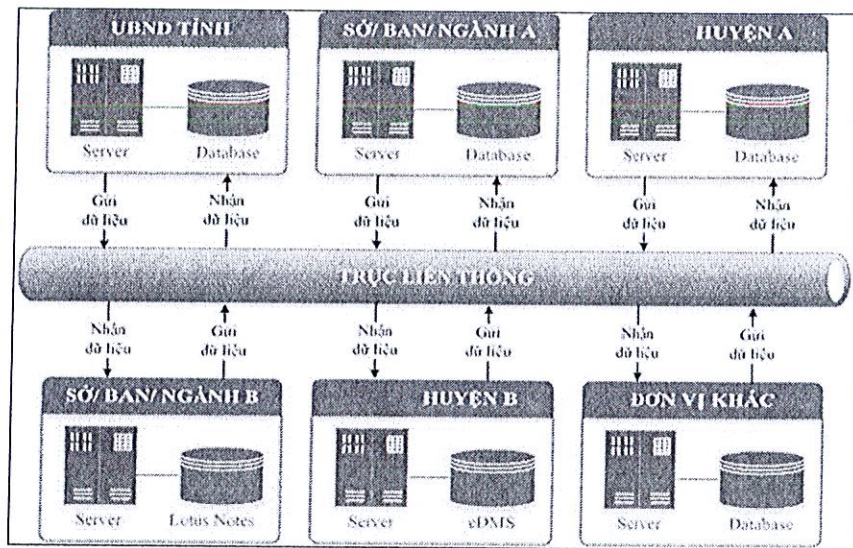
- Cổng/Trang Thông tin điện tử: Tên miền là: stnmt.dongnai.gov.vn là một kênh thông tin, là đầu mối cung cấp thông tin chính thức về hoạt động của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

- Hệ thống thư điện tử @dongnai.gov.vn: Đã triển khai hệ thống thư điện tử từ năm 2005 (theo Đề án 112), được đặt tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh và triển khai trên hệ thống mạng đường truyền số liệu chuyên dùng 20Mbps và đường internet 90Mbps dùng chung cho tất cả kết nối với các cơ quan nhà nước. Theo đó, các đơn vị sẽ sử dụng dịch vụ hộp thư điện tử thông qua mạng đường truyền số liệu chuyên dùng và kết nối Internet. Năm 2019, đã thực hiện nâng cấp hệ thống thư điện tử công vụ đáp ứng với nhu cầu thực tế trên địa bàn tỉnh, đảm bảo công nghệ mới nhất, thuận tiện và dễ sử dụng, hoạt động ổn định, tối ưu hoá khả năng gửi và nhận thư, tăng cường an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống.

- Ứng dụng chữ ký số: Đã sớm triển khai việc quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; cấp phát chứng thư số cho 06 phòng, đơn vị; Chứng thư số cấp cho 40 Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo các phòng, đơn vị (đạt tỷ lệ 100%). Tổ chức và tham gia các lớp tập huấn, hướng dẫn sử dụng chữ ký số cho các cán bộ được cấp chứng thư số, cán bộ văn thư và cán bộ làm công tác công nghệ thông tin của ngành trên địa bàn tỉnh.

b) Mô hình kiến trúc trực liên thông

Mô hình liên thông toàn tỉnh:



- Triển khai kết nối các phần mềm chuyên ngành tài nguyên và môi trường với nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp tỉnh (LGSP). Hệ thống này được thiết kế theo kiến trúc lớp, trên cơ sở tham chiếu mô hình kiến trúc khung nền tảng và ngữ cảnh chức năng của CQĐT cấp tỉnh. Các hệ thống sử dụng dữ liệu từ các hệ thống khác thông qua Web Service (XML, JSON).

- Hiện tại, 100% văn bản lĩnh vực tài nguyên và môi trường đã sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc kết nối trực với liên thông tỉnh để quản lý hồ sơ công việc và điều hành hoạt động trong cơ quan.

c) Hiện trạng về nhân lực công nghệ thông tin

Tổng số nhân sự chuyên trách công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường là 36 người gồm: Thạc sĩ 05; Đại học 28; Cao đẳng 02; Trung cấp 01.

4. Kiến trúc dữ liệu

a) Hiện trạng các cơ sở dữ liệu

- Cơ sở dữ liệu đất đai (phục vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên toàn tỉnh), dữ liệu được xây dựng hơn 10 năm qua, hiện tại với số lượng người truy cập để cập nhật khai thác thông tin phục vụ công tác quản lý trên 1.600 người dùng; số lượng người sử dụng ứng dụng trên Mobile là hơn 450.000 người. Tần suất xử lý hồ sơ cấp giấy chứng nhận và cập nhật thông tin biến động trung bình hàng tháng hơn 45.000 hồ sơ.

- Cơ sở dữ liệu môi trường (tiếp nhận dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục và cảnh báo sự cố môi trường của 129 trạm quan trắc, với tần suất 05 phút/01 lần truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường; để tăng cường năng lực giám sát công tác bảo vệ môi trường, phản ứng kịp thời đối với các sự cố môi trường của một tỉnh công nghiệp phát triển như Đồng Nai); dữ liệu môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh, các giấy phép về môi trường);

- Cơ sở dữ liệu kho lưu trữ tài liệu của ngành tài nguyên và môi trường;

- Cơ sở dữ liệu Cổng thông tin cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường;

- Ngoài ra, còn cơ sở dữ liệu của các lĩnh vực khác như tài nguyên nước,

khoáng sản, thanh tra - kiểm tra, quản lý văn bản và điều hành công việc,...

- Ngoài hệ thống cơ sở dữ liệu được quản lý bởi các hệ quản trị cơ sở dữ liệu tại hệ thống điều hành và tích hợp dữ liệu còn vận hành hệ thống dữ liệu file gồm: Hệ thống file quét (scan) tích hợp với các cơ sở dữ liệu trên; Hệ thống file bản đồ địa chính chia sẻ với cấp huyện; Hệ thống file lưu trữ tài nguyên và môi trường; Hệ thống file bản đồ quy hoạch phục vụ khai thác thông tin quy hoạch; Hệ thống file lưu trữ dữ liệu quan trắc tự động liên tục.

b) Hiện trạng kết nối, chia sẻ dữ liệu

Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường đã kết nối các cơ sở dữ liệu thành phần với trực liên thông tích hợp tỉnh Đồng Nai, đóng vai trò là nền tảng công nghệ thông tin kết nối giữa các phần mềm khai thác cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường. Với nền tảng này, thông tin nghiệp vụ có thể được trao đổi theo chiều ngang và chiều dọc giữa các phòng, đơn vị trực thuộc Sở. Đồng thời cũng hoạt động như một trục tích hợp, cùng với các dịch vụ dữ liệu để trao đổi thông tin với các Sở, ban, ngành khác hoặc với các cơ quan Đảng, hay các hệ thống thông tin của doanh nghiệp, tổ chức khi cần thiết.

5. Đánh giá hiện trạng

a) Đánh giá hiện trạng hạ tầng, thiết bị của hệ thống

Hệ thống điều hành và tích hợp cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tập trung, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo đảm hệ thống được vận hành liên tục (24x7), đảm bảo tính sẵn sàng, tính thuận tiện trong vận hành và đủ năng lực quản lý, lưu trữ và xử lý với khối lượng lớn dữ liệu của ngành.

- Hệ thống máy chủ và thiết bị: Về máy chủ, thiết bị lưu trữ tập trung và các thiết bị mạng được đầu tư đủ mạnh để đáp ứng khả năng lưu trữ truyền nhận và xử lý tập trung toàn bộ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh. Các máy chủ được kiểm tra giám sát thường xuyên nên đã hoạt động ổn định. Cập nhật các bản sửa lỗi đầy đủ cũng giúp cho hệ điều hành của máy chủ giảm bớt các lỗ hổng bảo mật.

- Hệ thống mạng riêng ảo: Được duy trì hoạt động đáp ứng yêu cầu truyền tải dữ liệu giữa cấp tỉnh và huyện trong phạm vi ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai. Các thiết bị Firewall được cập nhật Firmware, gia hạn bản quyền giúp hệ thống mạng hoạt động an toàn hơn, giảm bớt các lỗ hổng về bảo mật, an toàn an ninh thông tin.

- Hệ thống lưu trữ: Thông qua việc tập trung các cơ sở dữ liệu riêng lẻ trên từng máy chủ vào một máy chủ cơ sở dữ liệu duy nhất và lưu trữ trên hệ thống SAN giúp hệ thống dễ dàng phát triển các ứng dụng trong tương lai không bị ràng buộc bởi các cơ sở dữ liệu riêng lẻ; giúp hiệu suất truy cập dữ liệu được tăng cao đáng kể, khả năng quản lý tập trung, tiết kiệm tối đa chi phí và công sức vận hành hệ thống; nâng cao tối đa mức độ chia sẻ tài nguyên hệ thống. Toàn bộ cơ sở dữ liệu tập trung này đã được Trung tâm tổ chức sao lưu dự phòng thường xuyên đảm bảo khả năng phục hồi khi có sự cố xảy ra.

- Hệ thống an toàn, an ninh thông tin: Hệ thống đã được trang bị các thiết bị tường lửa 02 lớp nhằm tăng cường tính bảo mật và hạn chế tối đa nguy cơ bị tấn công vào hệ thống.

Nhìn chung, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin hiện tại cơ bản đảm bảo cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã trên môi trường mạng an toàn, hiệu quả. Hệ thống dự phòng cũng được trang bị các thiết bị phần cứng và phần mềm ảo hóa, tự động failover các máy chủ ảo từ Site chính (DC) sang Site dự phòng (DR) khi có sự cố thảm họa xảy ra tại Site chính; đồng thời đảm bảo thời gian downtime của hệ thống là thấp nhất có thể. Các máy chủ ảo có khả năng failback từ Site dự phòng trở lại Site chính khi Site chính được khôi phục lại. Do đó đã cung cấp cho Sở một hạ tầng đầy đủ, an toàn và có độ sẵn sàng, sẵn sàng cho việc khôi phục hệ thống, đảm bảo dữ liệu an toàn tuyệt đối trong mọi trường hợp thảm họa xảy ra.

Bên cạnh đó, do công nghệ ngày càng tiến bộ vượt bậc, các thiết bị về công nghệ thông tin cũng nhanh chóng lỗi thời trong khi cơ sở dữ liệu của ngành hàng năm liên tục tăng rất nhiều nên thực tế hạ tầng tại Sở vẫn chỉ cơ bản đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Một số trang thiết bị, máy móc đã cũ, lạc hậu, hiệu suất kém không đáp ứng được nhu cầu sử dụng ngày càng cao, cần phải được thay thế. Bên cạnh đó, các hiện tượng nghẽn băng thông dẫn đến chậm hệ thống, dung lượng lưu trữ chưa đủ đáp ứng, năng lực xử lý của hệ thống chưa đủ đạt yêu cầu, việc đầu tư đảm bảo an toàn thông tin chưa đáp ứng yêu cầu thực tế.

Vì vậy để đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số thì cần phải đầu tư bổ sung các hạng mục đầu tư mua sắm trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác chuyển đổi số tại Sở Tài nguyên và Môi trường. Quan tâm đầu tư các máy chủ hiện đại, cấu hình cao, đáp ứng được nhu cầu ngày càng lớn mạnh của dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường; đầu tư gia hạn bản quyền phần mềm diệt virus trên tất cả các máy tính; thiết lập truy cập Internet thông qua tường lửa; thường xuyên cập nhật bản vá của hệ điều hành, các phần mềm trên máy tính; nâng cấp hệ thống mạng nội bộ LAN để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tạo sự ổn định, xuyên suốt trong việc vận hành các phần mềm quản lý.

b) Đánh giá hiện trạng hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường vận hành ổn định, an toàn, bảo mật, luôn sẵn sàng để phục vụ nhu cầu khai thác thông tin của cơ quan quản lý nhà nước, nhân dân và doanh nghiệp một cách nhanh chóng, chính xác.

Các phần mềm thuộc cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường: Quản lý cán bộ, quản lý tài nguyên nước, quản lý khoáng sản, thanh tra - kiểm tra, điều hành công việc... được vận hành và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo các phần mềm hoạt động thông suốt. Liên tục cập nhật các bản mới nhất lên hệ thống để đảm bảo các phần mềm luôn được vận hành trên phiên bản mới nhất.

Thực hiện đánh giá an toàn thông tin của hệ thống thông tin đã giúp xác định các nguy cơ rò rỉ thông tin, những lỗ hổng có thể khai thác từ bên ngoài và kiểm soát quá trình hoạt động hiện tại của hệ thống mạng.

c) Đánh giá hiện trạng hạ tầng, thiết bị của hệ thống dự phòng

Trung tâm dữ liệu dự phòng (DR Site) cơ bản đã đảm bảo đáp ứng một hạ tầng đầy đủ, an toàn và có độ sẵn sàng cao.

Tạo sự sẵn sàng cho việc khôi phục hệ thống, đảm bảo toàn bộ cơ sở dữ liệu của ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh đang được quản lý, lưu trữ, cập nhật và vận hành tập trung tại hệ thống điều hành và tích hợp cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được an toàn tuyệt đối trong mọi trường hợp thảm họa xảy ra.

Đảm bảo mọi hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường luôn sẵn sàng, không gián đoạn trong trường hợp hệ thống điều hành và tích hợp cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường gặp sự cố.

d) Đánh giá hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường

- Lĩnh vực đất đai:

Phần mềm và cơ sở dữ liệu đất đai với các thông tin tương đối hoàn chỉnh theo quy định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT, trong đó cơ sở dữ liệu địa chính cơ bản hoàn thiện với hơn 1,8 triệu thửa đất và kết nối đến cấp xã để vận hành, khai thác và phục vụ quản lý nhà nước về đất đai đã góp phần hỗ trợ vận hành hiệu quả của mô hình Văn phòng Đăng ký đất đai một cấp bởi tính thống nhất và đồng bộ cơ sở dữ liệu đất đai giữa ba cấp tỉnh, huyện, xã.

Hệ thống cũng đã được liên thông với cơ sở dữ liệu của Một cửa điện tử của tỉnh (Egov), liên thông chia sẻ thông tin với cơ quan Thuế trong việc xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu giao dịch đảm bảo của ngành Tư pháp... Từ đó, đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, giảm thời gian thực hiện, giảm sự chờ đợi cho người dân và doanh nghiệp.

Bên cạnh đó vẫn còn một số quy trình thủ tục hành chính về đất đai vẫn đang được chuyên viên, viên chức của Sở thực hiện thủ công như:

+ Hồ sơ giao đất, cho thuê đất đang được xử lý thủ công bằng hồ sơ giấy, sau khi hồ sơ hoàn thành được cập nhật vào phần mềm quy hoạch (bao gồm module hợp đồng thuê đất và module quy hoạch). Việc xử lý hồ sơ giao đất, cho thuê đất trải qua nhiều công đoạn và nhiều thời kỳ khác nhau, có những hồ sơ kéo dài nhiều năm, qua nhiều cấp Lãnh đạo khác nhau. Mỗi hồ sơ giao đất, cho thuê đất cần sự phối hợp giữa nhiều đơn vị trong và ngoài Sở. Tại mỗi giai đoạn của dự án, sau khi hoàn thành một giai đoạn hồ sơ được đưa vào lưu trữ, sang giai đoạn tiếp theo có thể phân cho chuyên viên khác xử lý, dẫn đến hồ sơ bị phân tán, khó kiểm soát theo dõi xuyên suốt một dự án.

+ Hồ sơ cập nhật, thay đổi bản đồ địa chính đang thực hiện trên phần mềm quản lý đất đai. Quy trình từ bước tiếp nhận hồ sơ một cửa, xử lý hồ sơ, in giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng. Sau khi hồ sơ hoàn thành, Chi cục Quản lý đất đai sẽ kiểm tra việc cập nhật thay đổi bản đồ địa chính có đảm bảo đúng quy định hay không, tuy nhiên trong quá trình xử lý hồ sơ từ khi bắt đầu đến khi kết thúc hồ sơ Chi cục Quản lý đất đai chưa tham gia vào quá trình xử lý hồ sơ này nên không giám sát hết được tất cả các hồ sơ liên quan đến biến động bản đồ địa chính.

+ Hồ sơ đăng ký quản lý đất công đang thực hiện thủ công bằng hồ sơ giấy, sau khi hồ sơ hoàn thành sẽ cập nhật vào module quản lý đất công trên cơ sở dữ liệu địa chính. Tuy nhiên, quy trình xử lý còn rời rạc mỗi công đoạn thực hiện đang xử lý trên nhiều phần mềm khác nhau, dẫn đến không đồng bộ và mất nhiều thời gian, như: tiếp nhận hồ sơ một cửa trên phần mềm eGov, cập nhật tờ trình, dự thảo quyết định bằng file word và đính kèm văn bản trên phần mềm Điều hành công việc, sau khi có kết quả thì cập nhật vào cơ sở dữ liệu địa chính.

- Lĩnh vực môi trường

Phần mềm quản lý môi trường được xây dựng và đưa vào vận hành từ năm 2015, bước đầu đã đáp ứng một phần yêu cầu cập nhật và quản lý Cơ sở dữ liệu môi trường. Năm 2020 Quốc hội ban hành Luật Bảo vệ môi trường mới, sau khi Luật có hiệu lực, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định về chuẩn cấu trúc cơ sở dữ liệu môi trường, vì vậy cần phải nâng cấp phần mềm Môi trường theo chuẩn cấu trúc cơ sở dữ liệu phù hợp với quy định hiện hành.

Công tác báo cáo chủ nguồn thải và báo cáo công tác bảo vệ môi trường cấp huyện xã theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2014 đã được thay thế bằng báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, vì vậy cũng cần phải nâng cấp các chức năng của phần mềm báo cáo chủ nguồn thải và phần mềm báo cáo công tác bảo vệ môi trường cho phù hợp với quy định mới ban hành.

Bên cạnh đó, quá trình xử lý thẩm định hồ sơ môi trường hiện nay đang được thực hiện thủ công bằng hồ sơ giấy. Sau khi có kết quả thì cập nhật vào phần mềm quản lý môi trường. Tuy nhiên, các bước thực hiện chưa liên thông với nhau, công tác tiếp nhận, xử lý hồ sơ hoàn thành phải mất thêm công đoạn cập nhật vào cơ sở dữ liệu môi trường, chưa tự động hình thành cơ sở dữ liệu sau khi xử lý xong hồ sơ.

- Lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản và biến đổi khí hậu

Công tác tiếp nhận và xử lý hồ sơ cấp phép tài nguyên nước trước đây được thực hiện bán thủ công. Hồ sơ giấy được tiếp nhận tại Trung tâm hành chính công và chuyển tiếp hồ sơ giấy cho Văn phòng Sở tài nguyên và Môi trường. Sau khi kiểm tra hồ sơ hợp lệ, Văn phòng chuyển hồ sơ cho phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Biến đổi khí hậu xử lý. Khi hồ sơ hoàn thành, phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Biến đổi khí hậu sẽ phải cập nhật số liệu lên cơ sở

dữ liệu tài nguyên nước, hồ sơ giấy được giao nộp lưu trữ tại Trung tâm Công nghệ thông tin. Các bước xử lý được thực hiện riêng biệt trên phần mềm một cửa điện tử eGov, phần mềm Điều hành công việc, phần mềm quản lý tài nguyên nước và phần mềm Kho số, chưa có sự kết nối và tự động hình thành dữ liệu trên cơ sở dữ liệu Tài nguyên nước khi hồ sơ hoàn thành.

Tương tự việc cấp phép tài nguyên khoáng sản cũng thực hiện thủ công bằng hồ sơ giấy, chưa có sự gắn kết giữa các công đoạn, phải thêm bước cập nhật dữ liệu thủ công bằng phần mềm quản lý khoáng sản. Từ đó, mất nhiều thời gian cho chuyên viên thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trong việc cấp phép tài nguyên nước và tài nguyên khoáng sản, lãnh đạo không chủ động kiểm tra được tiến độ, công tác giám sát cũng phải thông qua báo cáo của chuyên viên xử lý.

Trong năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai thí điểm thực hiện công tác chuyển đổi số trong cấp phép tài nguyên nước, cụ thể:

+ Nội dung thực hiện

Nâng cấp, bổ sung các chức năng cho phần mềm tài nguyên nước đáp ứng các yêu cầu theo Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Bổ sung tính năng giám sát và cảnh báo vượt ngưỡng khai thác tài nguyên nước theo giấy phép đã cấp; mất kết nối dữ liệu quan trắc nước dưới đất truyền về Sở; gửi SMS, email cảnh báo cho nhà quản lý.

Nâng cấp, bổ sung các chức năng cho phần mềm tài nguyên nước đáp ứng các tính năng tiếp nhận, phân công, luân chuyển, xử lý các thủ tục cấp phép (cấp mới, gia hạn, điều chỉnh) tài nguyên nước trên môi trường điện tử gồm: (1) Cấp phép thăm dò nước dưới đất; (2) Cấp phép khai thác nước dưới đất; (3) Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất; (4) Cấp phép khai thác nước mặt; (5) Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho nước mặt, nước dưới đất.

Xây dựng quy trình tiếp nhận, phân công, luân chuyển và xử lý các thủ tục cấp phép tài nguyên nước trên môi trường điện tử hợp lý, thuận tiện. Đồng thời, mẫu hóa các báo cáo thẩm định, tờ trình, dự thảo giấy phép...;

Tích hợp chữ ký số, mã nhận dạng hồ sơ bằng QR-Code lên tất cả các văn bản, tài liệu liên quan. Liên thông liên kết giữa các phần mềm TNN-ĐHCV-eGov-Kho số để đảm bảo quá trình luân chuyển và xử lý hồ sơ thuận tiện.

+ Kết quả đạt được:

Chuyển đổi số trong cấp phép tài nguyên nước giúp công tác tiếp nhận, phân công, giám sát điều hành công tác giải quyết các thủ tục cấp phép tài nguyên nước trên môi trường mạng; việc mẫu hóa các báo cáo thẩm định, tờ trình, giấy phép dạng văn bản điện tử và tích hợp chữ ký số, chứng thư số giúp thuận tiện và dễ dàng luân chuyển hồ sơ qua môi trường mạng, giúp tác nghiệp của chuyên viên, lãnh đạo trên hệ thống trở nên dễ dàng thuận lợi hơn.

Liên thông liên kết giữa phần mềm tài nguyên nước với eGov, Kho số, ĐHCV trong quá trình giải quyết hồ sơ giúp cho sau khi kết thúc xử lý hồ sơ sẽ hình thành tức thời trên cơ sở dữ liệu tài nguyên nước và cơ sở dữ liệu lưu trữ của Kho số đã giúp tiết kiệm thời gian và chi phí về tạo lập cơ sở dữ liệu. Hình thành

được môi trường tác nghiệp trên nền tảng số thay thế cho môi trường truyền thống như hiện nay góp phần đẩy nhanh tiến độ giải quyết thủ tục hành chính.

Hệ thống phần mềm tài nguyên nước đáp ứng được yêu cầu giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT; cơ sở dữ liệu được hình thành tập trung cấp tỉnh sẵn sàng đồng bộ lên cơ sở dữ liệu quốc gia. Tự động giám sát, cảnh báo giấy phép sắp hết hạn và cảnh báo vượt ngưỡng khai thác tài nguyên nước so với giấy phép được cấp cho chuyên viên, lãnh đạo được phân công xử lý. Đồng thời việc truyền dữ liệu giấy phép tài nguyên nước về Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có sự chấp thuận của Lãnh đạo Sở; đang phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường để truyền dữ liệu.

+ Các nội dung đang tiếp tục xử lý: Hiện tại, quy trình xử lý một hồ sơ Một cửa của 01 thủ tục hành chính chỉ cho chọn lựa xử lý một loại giấy phép hoặc tiền cấp quyền (không cho chọn cả 02 nội dung trong 01 bộ thủ tục hành chính). Do đó, việc xử lý quy trình cấp phép tài nguyên nước và tiền cấp quyền thực hiện đồng thời trong cùng một hồ sơ một cửa theo yêu cầu mới phát sinh từ phòng tài nguyên nước chưa được đáp ứng kịp thời vì phải nâng cấp phần mềm tài nguyên nước.

- Lĩnh vực thanh tra - kiểm tra

Công tác hậu kiểm Quyết định xử lý vi phạm hành chính sau khi có quyết định xử lý vi phạm hành chính đang được Thanh tra Sở thực hiện thủ công và chưa có công cụ theo dõi từ bước nộp phạt, nhắc nhở đối tượng chưa thực hiện nộp tiền phạt, cập nhật số tiền nộp phạt, theo dõi biện pháp xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả... cũng như cảnh báo về tiến độ thực hiện của từng công đoạn.

Công tác hậu kiểm kết quả thanh tra - kiểm tra cũng đang thực hiện thủ công và chưa có công cụ giám sát, theo dõi từ bước có quyết định thanh tra/kiểm tra, phân công chuyên viên xử lý, nhắc nhở thời điểm kiểm tra, theo dõi đối tượng khắc phục hậu quả, thực hiện biện pháp xử lý bổ sung.

Công tác tổng hợp báo cáo lĩnh vực thanh tra - kiểm tra cũng đang được thực hiện thủ công. Chuyên viên phụ trách tổng hợp dữ liệu từ các văn bản của các phòng, đơn vị có liên quan gửi về, từ dữ liệu của các phòng, đơn vị trực thuộc Sở và Thanh tra các huyện dễ dẫn đến thiếu sót dữ liệu. Chưa có công cụ tổng hợp tự động số liệu từ các đơn vị báo cáo lên, nhắc nhở việc báo cáo định kỳ, cảnh báo khi sắp đến hạn báo cáo.

Việc tiếp nhận đơn thư khiếu nại, phản ánh, kiến nghị được thực hiện bằng hồ sơ giấy, chưa có kênh nộp đơn online, cũng như hướng dẫn đối tượng nộp các mẫu đơn theo đúng quy định, chưa cho phép người dân tải các mẫu đơn để điền điện tử cho nhanh gọn, đúng loại đơn giúp cho chuyên viên phụ trách công tác phân loại đơn, phân công xử lý đơn rút ngắn được thời gian xử lý, chuyển đơn chính xác.

- Công tác quản lý tài chính kế hoạch

Module hỗ trợ công tác thẩm định, phê duyệt kế hoạch và kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại Sở thuộc phần mềm hồ sơ điện tử đã được xây dựng và đưa vào vận hành chính thức năm 2020. Tuy nhiên, hiện nay chỉ mới có một số phòng, đơn vị triển khai thực hiện trình hồ sơ kế hoạch, hồ sơ nghiệm thu thông qua phần mềm hồ sơ điện tử. Ngoài ra, thời gian để thực hiện quy trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch và kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại Sở cũng chưa hợp lý, trên phần mềm cũng chưa hỗ trợ xuất các văn bản, báo cáo thẩm định, tờ trình, dự thảo quyết định theo mẫu cũng như chưa liên thông với phần mềm Điều hành công việc để thực hiện ký số.

- Công tác quản lý hành chính

Công tác báo cáo cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính đang được thực hiện thủ công; định kỳ nhắc nhở trực tiếp hoặc bằng văn bản và tổng hợp số liệu từ các phòng chuyên môn hàng tháng, hàng quý và năm. Độ chính xác của số liệu báo cáo phụ thuộc và chuyên viên xử lý, mất nhiều thời gian trong công tác tổng hợp. Chưa có công cụ theo dõi và tổng hợp số liệu tự động; chưa có công cụ hỗ trợ cảnh báo, nhắc nhở đến hạn báo cáo. Hiện nay, công tác báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính được thực hiện cụ thể như sau:

+ Định kỳ trước ngày 16 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo sẽ thông báo (qua văn bản, zalo, điện thoại,...) đến các phòng, đơn vị gửi báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính theo biểu mẫu đề cương.

+ Các phòng, đơn vị gửi báo cáo bằng văn bản giấy, qua phần mềm Điều hành công việc.

+ Trên cơ sở báo cáo của các phòng, đơn vị, Văn phòng sẽ lấy dữ liệu, số liệu từ các báo cáo của các phòng, đơn vị để tổng hợp thành báo cáo chung của Sở theo đúng đề cương và biểu mẫu quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ trên hệ thống báo cáo chính phủ.

+ Sau khi tổng hợp thành báo cáo theo đề cương, Công chức phụ trách lĩnh vực này sẽ đăng nhập vào tài khoản nhập liệu trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại: <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>, truy cập vào trang hệ thống báo cáo Chính phủ tại <https://vpcp.baocaochinhphu.gov.vn>.

+ Sau khi đăng nhập thành công, công chức phụ trách sẽ tiến hành nhập liệu vào mẫu đề cương và biểu mẫu báo cáo trên hệ thống; trình Lãnh đạo ký duyệt báo cáo trên hệ thống.

+ Lãnh đạo Sở vào tài khoản duyệt báo cáo, tiến hành kiểm duyệt báo cáo trên tài khoản duyệt, báo cáo sẽ ký số trực tiếp trên hệ thống báo cáo Chính phủ và click chuyển báo cáo vào tài khoản gửi báo cáo.

+ Văn phòng đăng nhập vào tài khoản gửi báo cáo, kiểm tra ký số, gửi báo cáo trực tiếp trên hệ thống báo cáo Chính phủ (không phát hành văn bản giấy).

- Công tác số hóa, tạo lập dữ liệu lưu trữ

Hồ sơ tài liệu ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện thu thập, chỉnh lý số hóa và tạo lập cơ sở dữ liệu lưu trữ thường xuyên hàng năm. Thu thập đầy đủ, liên tục dữ liệu tài liệu, sản phẩm các dự án,

các hồ sơ thủ tục về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh đã tạo được sự thống nhất trong quản lý nguồn thông tin của ngành tài nguyên và môi trường. Cơ sở dữ liệu được tích hợp, quản lý trên phần mềm khoa học, tiên tiến chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho các phòng, đơn vị chuyên môn sử dụng, tra cứu thông tin chuyên ngành nhanh chóng, thuận tiện, rút ngắn thời gian cung cấp, khai thác tài liệu, góp phần thực hiện cải cách thủ tục hành chính, phục vụ tốt công tác quản lý về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Bảo đảm an toàn và sử dụng có hiệu quả tài liệu lưu trữ; tránh thất lạc hồ sơ trong quá trình sử dụng, khai thác. Phục vụ cho công tác giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Tổ chức phân loại, sắp xếp hồ sơ, tài liệu của phòng hoặc khối tài liệu đưa ra chính lý một cách khoa học tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo quản và khai thác, sử dụng tài liệu. Hỗ trợ tích hợp, kết nối dữ liệu để hoàn chỉnh hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường khi có điều kiện.

V. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số (Nhóm chuyển đổi nhận thức)

Tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của tỉnh, của ngành tài nguyên và môi trường

- Nội dung thực hiện: Phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, cập nhật chuyên trang về chuyển đổi số của Bộ Tài nguyên và Môi trường; công bố công khai danh sách các dự án chuyển đổi số do Sở phụ trách; phổ biến các kinh nghiệm chuyển đổi số, mô hình chuyển đổi số điển hình; đăng tải nội dung kế hoạch và các kết quả thực hiện về Chuyển đổi số của tỉnh, của ngành tài nguyên và môi trường trên Cổng Thông tin điện tử Sở. Triển khai các văn bản liên quan đến chuyển đổi số trên phần mềm điều hành công việc.

- Giải pháp thực hiện: Thường xuyên cập nhật các kế hoạch, kết quả thực hiện và các văn bản có liên quan đến chuyển đổi số của tỉnh, của ngành tài nguyên và môi trường trên Cổng Thông tin điện tử Sở; triển khai trên phần mềm điều hành công việc.

- Hiệu quả dự kiến: Tuyên truyền rộng rãi cho toàn thể công chức, viên chức, người lao động, cho người dân và doanh nghiệp biết, hiểu và nắm rõ để cùng phối hợp thực hiện chương trình Chuyển đổi số của tỉnh và của ngành.

- Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2025 (thường xuyên).

2. Phát triển nền tảng số (số hóa dữ liệu chuyên ngành)

a) Thu thập, số hóa và tạo lập cơ sở dữ liệu các hồ sơ tài liệu lưu trữ của Sở; dữ liệu tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

- Nội dung thực hiện:

- + Số hóa và tạo lập cơ sở dữ liệu các hồ sơ tài liệu lưu trữ của Sở (không bao gồm hồ sơ địa chính). Trung bình mỗi năm số hóa khoảng 440.000 trang A4 và tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ của Sở 400.000 trang A4 tài liệu; xử lý đính kèm 100.000 trang A4 hồ sơ hành chính (ước theo khối lượng năm 2022).

+ Số hóa và tạo lập cơ sở dữ liệu các hồ sơ tài liệu, dữ liệu tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trung bình mỗi năm cập nhật 1.100.000 trường tin; số hóa 90.000 trang A4 và xử lý đính kèm 150.000 trang A4 đối với cơ sở dữ liệu Môi trường. Cập nhật 10.000 trường tin; số hóa và xử lý đính kèm 6.000 trang A4 đối với cơ sở dữ liệu Thanh tra-Kiểm tra (ước theo khối lượng đã thực hiện năm 2022).

- Giải pháp thực hiện:

+ Thực hiện số hóa tài liệu đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử; tạo lập cơ sở dữ liệu tích hợp vào phần mềm Quản lý kho số.

+ Thu thập hồ sơ tài liệu lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Thực hiện tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu các hồ sơ tài liệu đã thu thập theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT ngày 28/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hiệu quả dự kiến:

+ Cập nhật thường xuyên các tài liệu, dữ liệu vào kho dữ liệu số và cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu với kho lưu trữ của tỉnh và các cơ sở thành phần của ngành tài nguyên và môi trường. Đảm bảo các quy định và yêu cầu về công tác văn thư, lưu trữ theo Luật Lưu trữ và Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Hồ sơ đã được số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu phục vụ xử lý, điều hành theo quy trình điện tử; ứng dụng hỗ trợ nội bộ, hình thành môi trường làm việc số, công sở số tại Sở; phục vụ công tác giải quyết các thủ tục hành chính, công tác quản lý Nhà nước, Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên môi trường.

- Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2025 (Thực hiện thường xuyên thuộc nhiệm vụ “Biên mục, chỉnh lý và tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ của Sở (không bao gồm hồ sơ địa chính)” và nhiệm vụ “Thu thập và quản lý dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”).

- Khái toán kinh phí: 9.955.000.000 đồng.

Đối với các nội dung thực hiện năm 2023 thuộc nhiệm vụ này đã được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thi công tại Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 và Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 04/5/2023.

b) Xây dựng dịch vụ dữ liệu liên thông giữa cơ sở dữ liệu đất đai và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng API (Application Programming Interface) khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để cập nhật, xác thực thông tin của người sử dụng đất trên cơ sở dữ liệu đất đai và thông tin của các tổ chức, cá nhân trên các cơ sở dữ liệu khác thuộc ngành tài nguyên và môi trường;

+ Xây dựng API cung cấp thông tin đất đai nhằm làm giàu cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Giải pháp thực hiện:

+ Nghiên cứu kỹ các bộ quy chuẩn kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Công An nhằm đảm bảo các hệ thống liên thông, chia sẻ các thông tin đúng theo yêu cầu nhưng đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin cho các hệ thống;

+ Thống nhất với Sở Thông tin và truyền Thông về mô hình liên thông cơ sở dữ liệu thông qua các trục LGSP của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc LGSP của tỉnh.

- Hiệu quả dự kiến: Các hệ thống thông tin được liên thông chia sẻ thông tin với nhau giúp việc xác thực danh tính của các cá nhân khi tham gia thực hiện các thủ tục hành chính một cách nhanh chóng và chính xác. Đồng thời việc chia sẻ thông tin đất đai góp phần làm giàu cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Thời gian thực hiện: Năm 2023.

- Kinh phí thực hiện: 200.000.000 đồng.

Hiện nay nhiệm vụ này đã được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thi công tại Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 12/5/2023, đang tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ hoàn thành năm 2023.

3. Đảm bảo an toàn thông tin

a) Triển khai chữ ký số 100% cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, cơ quan nhà nước

- Nội dung thực hiện:

+ Triển khai và hướng dẫn sử dụng chữ ký số cho cán bộ, công chức cán bộ chủ chốt của ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

+ Tích hợp chữ ký số trực tiếp vào các phần mềm nội bộ của Sở Tài nguyên và Môi trường

- Giải pháp thực hiện: Triển khai và hướng dẫn sử dụng chữ ký số cho cán bộ, công chức cán bộ chủ chốt; nghiên cứu các công nghệ nền của thiết bị ký số do Ban cơ yếu chính phủ cung cấp để tích hợp trực tiếp vào các phần mềm nội bộ của ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Hiệu quả dự kiến: Đảm bảo 100% các phòng, đơn vị và bộ chủ chốt của ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh sử dụng chữ ký số trong quá trình điều hành xử lý công việc qua môi trường mạng.

- Thời gian thực hiện: Năm 2023.

b) Triển khai hệ thống kiểm soát truy cập hệ thống

- Nội dung thực hiện: Thực hiện giám sát và kiểm soát việc truy cập hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường.

- Giải pháp thực hiện: Sử dụng các công cụ tự động, ghi log nhật ký truy cập để thực hiện giám sát và kiểm soát việc truy cập hệ thống.

- Hiệu quả dự kiến: Hỗ trợ giám sát và kiểm soát việc truy cập hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường, ngăn chặn các hành vi truy cập trái phép vào khu vực hạn chế.

- Thời gian thực hiện: Năm 2023 (thuộc nhiệm vụ thường xuyên Duy trì, vận hành hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường).

c) Triển khai giải pháp phòng, chống mã độc bảo vệ cho 100% máy chủ, máy trạm của Sở Tài nguyên và Môi trường

- Nội dung thực hiện: Triển khai thực hiện các biện pháp, giải pháp để phòng, chống mã độc bảo vệ cho các máy chủ, máy trạm của ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Giải pháp thực hiện:

- + Triển khai phòng, chống mã độc bảo vệ cho các máy chủ, máy trạm của ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh. Thực hiện cập nhật các bản vá lỗi cho máy chủ theo hướng dẫn của Sở Thông tin Truyền thông. Hàng năm trang bị phần mềm quét virus bản quyền cho 100% máy chủ và máy trạm.

- + Tham gia các chương trình nâng cao nhận thức về an toàn, an ninh thông tin và tính riêng tư đến các cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp chuyển đổi số,... cần được thực hiện định kỳ hằng năm với nội dung cập nhật. Phối hợp tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin.

- + Xây dựng hệ thống an ninh bảo mật đa lớp theo hướng dẫn của Bộ Thông tin Truyền thông; chuẩn hóa các thiết bị đảm bảo an toàn bảo mật, an ninh thông tin cho tất cả các cấp; đảm bảo ứng dụng chữ ký số trong các giao dịch điện tử trên môi trường mạng (trong cả nội bộ và bên ngoài) của các cán bộ, công chức, viên chức; Nâng cấp các hệ thống quản trị tập trung gồm quản trị mạng lưới (NOC) và quản lý thông tin an ninh bảo mật (SOC).

- + Vận hành các hệ thống cơ sở dữ liệu của Sở nhằm đảm bảo tính cập nhật liên tục theo các khuyến cáo về an toàn, an ninh thông tin, đánh giá các rủi ro, thường xuyên giám sát các nguy cơ, phát hiện/cảnh báo sớm các thay đổi hay tấn công vào các hệ thống.

- Hiệu quả dự kiến: Đảm bảo phòng, chống mã độc bảo vệ cho 100% máy chủ, máy trạm cho các sở, ngành trên địa bàn tỉnh; chia sẻ thông tin mã độc theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 25/5/2018.

- Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2025 (thuộc nhiệm vụ thường xuyên “Duy trì, vận hành hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường”).

d) Đánh giá an toàn an ninh thông tin hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường

- Nội dung thực hiện: Định kỳ hàng năm thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường gồm: Đánh giá bảo mật ứng dụng web cho Cổng Thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường; Đánh

giá bảo mật hệ thống mạng từ bên ngoài; Kiểm định an toàn hệ thống máy chủ và thiết bị mạng; Lập báo cáo Đánh giá an toàn an ninh thông tin hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường.

- Giải pháp thực hiện:

+ Phối hợp đơn vị tư vấn thực hiện đánh giá an toàn an ninh thông tin hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường tại Sở và khắc phục các các lỗi, vá các lỗ hổng.

+ Nghiên cứu xây dựng các quy định và thực hiện đánh giá đầy đủ về tính an toàn, an ninh thông tin khi sử dụng các giải pháp của bên thứ ba hay xây dựng một sản phẩm mới, một kết nối mới.

- Hiệu quả dự kiến: Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và quản lý rủi ro an toàn thông tin của hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường tại Sở.

- Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2025 (thuộc nhiệm vụ thường xuyên “Duy trì, vận hành hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường”).

4. Phát triển nguồn nhân lực

a) Đào tạo chuyên sâu về các công nghệ mới cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin

- Nội dung thực hiện: Thực hiện đào tạo nội bộ trong ứng dụng các công nghệ, nền tảng mới cho các nhân sự chuyên trách công nghệ thông tin của ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Giải pháp thực hiện:

+ Tổ chức đào tạo nội bộ; tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin do các đơn vị có uy tín tổ chức.

+ Chủ động hợp tác trong phát triển về chuyển đổi số; tích cực hợp tác, trao đổi kinh nghiệm với các tổ chức để triển khai các công nghệ mới trong chuyển đổi số và thực hiện chính quyền số.

+ Khuyến khích đơn vị tạo điều kiện cho công chức viên chức tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin.

- Hiệu quả dự kiến: Bổ sung, nâng cao kiến thức về các công nghệ mới cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, tạo tiền đề, là nền tảng thúc đẩy Chuyển đổi số của ngành.

- Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2025.

- Kinh phí: Từ nguồn phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức

- Nội dung thực hiện: Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng các phần mềm nội bộ vận hành trên hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường.

- Giải pháp thực hiện: Xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng và tập huấn cho người dùng về các phần mềm đang vận hành trên hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường.

- Hiệu quả dự kiến: Bồi dưỡng, nâng cao các kỹ năng sử dụng, khai thác có hiệu quả hệ thống thông tin ngành đang vận hành cho công chức, viên chức.

- Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2025.

5. Phát triển chính quyền số

a) Chuyển đổi số trong cấp phép tài nguyên khoáng sản

- Nội dung thực hiện:

+ Nâng cấp, bổ sung các chức năng cho phần mềm quản lý tài nguyên khoáng sản đáp ứng các tính năng tiếp nhận, phân công, luân chuyển và xử lý các thủ tục cấp phép tài nguyên Khoáng sản trên môi trường điện tử gồm: (1) Cấp phép thăm dò khoáng sản (cấp mới, gia hạn, điều chỉnh); (2) Cấp phép khai thác khoáng sản (cấp mới, gia hạn, điều chỉnh); (3) Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Giải pháp thực hiện:

+ Nghiên cứu xây dựng quy trình tiếp nhận, phân công, luân chuyển và xử lý các thủ tục cấp phép khoáng sản trên môi trường điện tử hợp lý, thuận tiện. Đồng thời, mẫu hóa các báo cáo thăm định, tờ trình, dự thảo giấy phép,...;

+ Nghiên cứu tích hợp chữ ký số, mã nhận dạng hồ sơ bằng QR-Code lên tất cả các văn bản, tài liệu liên quan.

+ Nghiên cứu giải pháp liên thông liên kết giữa các phần mềm Quản lý tài nguyên Khoáng sản - Điều hành công việc - eGov - Kho số để đảm bảo quá trình luân chuyển và xử lý hồ sơ được thuận tiện.

+ Tổ chức tập huấn phần mềm và quán triệt việc nghiêm túc áp dụng hệ thống cho toàn thể công chức, viên chức tham gia giải quyết thủ tục cấp phép tài nguyên Khoáng sản.

- Hiệu quả dự kiến:

+ Hệ thống phần mềm quản lý tài nguyên khoáng sản đáp ứng được yêu cầu giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên Khoáng sản; cơ sở dữ liệu được hình thành tập trung cấp tỉnh sẵn sàng đồng bộ lên cơ sở dữ liệu quốc gia.

+ Hình thành được môi trường tác nghiệp trên nền tảng số thay thế cho môi trường truyền thống, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải quyết thủ tục hành chính.

+ Việc liên thông, liên kết giữa hệ thống quản lý tài nguyên Khoáng sản với hệ thống eGov, hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc, kho số... trong quá trình giải quyết hồ sơ đã giúp cho các tác nghiệp của chuyên viên, lãnh đạo trên hệ thống trở nên dễ dàng thuận lợi. Đồng thời sau khi hoàn thành hồ sơ sẽ hình thành tức thời cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên Khoáng sản và cơ sở dữ liệu lưu trữ trên Kho số đã giúp tiết kiệm thời gian và chi phí về tạo lập cơ sở dữ liệu.

- Thời gian thực hiện: Năm 2024.
- Khái toán kinh phí: 400.000.000 đồng.

b) Chuyển đổi số trong thẩm định, cấp phép hồ sơ môi trường và báo cáo trực tuyến công tác bảo vệ môi trường

- Nội dung thực hiện:

+ Nâng cấp các chức năng của hệ thống phần mềm quản lý môi trường đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật được quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

+ Xây dựng công cụ và thực hiện chuyển đổi cơ sở dữ liệu môi trường đang vận hành sang cơ sở dữ liệu môi trường mới theo cấu trúc cơ sở dữ liệu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

+ Nâng cấp, bổ sung các chức năng cho hệ thống phần mềm quản lý môi trường để đáp ứng các tính năng tiếp nhận, phân công, luân chuyển và xử lý các thủ tục thẩm định, cấp phép môi trường trên môi trường điện tử gồm: (1) Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; (2) Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản; (3) Cấp/cấp đổi/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường; (4) Thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp; (5) Báo cáo công tác bảo vệ môi trường (báo cáo trực tuyến) theo quy định tại Điều 63, 65, 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Giải pháp thực hiện:

+ Nghiên cứu kỹ các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường để thực hiện nâng cấp các tính năng của Phần mềm Quản lý Môi trường đảm bảo đúng quy chuẩn kỹ thuật và đáp ứng các yêu cầu về quản lý nhà nước về môi trường.

+ Xây dựng quy trình tiếp nhận, phân công, luân chuyển và xử lý các thủ tục thẩm định, cấp phép môi trường trên môi trường điện tử hợp lý, thuận tiện. Đồng thời, mẫu hóa các báo cáo thẩm định, tờ trình, dự thảo giấy phép,...;

+ Nghiên cứu tích hợp chữ ký số, mã nhận dạng hồ sơ bằng QR-Code lên tất cả các văn bản, tài liệu liên quan.

+ Nghiên cứu giải pháp liên thông liên kết giữa các phần mềm quản lý môi trường - Điều hành công việc - eGov - Kho số để đảm bảo quá trình luân chuyển và xử lý hồ sơ được thuận tiện.

+ Tổ chức tập huấn phần mềm và quán triệt việc nghiêm túc áp dụng hệ thống cho toàn thể công chức, viên chức tham gia giải quyết thủ tục thẩm định, cấp phép môi trường.

- Hiệu quả dự kiến:

+ Phần mềm quản lý môi trường sau khi được nâng cấp và hoàn thiện các chức năng phần mềm và cấu trúc cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, đồng thời tăng cường công cụ hỗ trợ báo cáo trực tuyến

về công tác bảo vệ môi trường thay cho báo cáo giấy. Hình thành cơ sở dữ liệu Môi trường tập trung cấp tỉnh và sẵn sàng đồng bộ lên cơ sở dữ liệu quốc gia;

+ Hình thành được môi trường tác nghiệp trên nền tảng số thay thế cho môi trường truyền thống, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải quyết thủ tục hành chính.

+ Việc liên thông, liên kết giữa hệ thống quản lý môi trường với hệ thống eGov, hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc, kho số... trong quá trình giải quyết hồ sơ đã giúp cho các tác nghiệp của chuyên viên, lãnh đạo trên hệ thống trở nên dễ dàng thuận lợi. Đồng thời sau khi hoàn thành hồ sơ sẽ hình thành tức thời cơ sở dữ liệu quản lý Môi trường và cơ sở dữ liệu lưu trữ trên Kho số đã giúp tiết kiệm thời gian và chi phí về tạo lập cơ sở dữ liệu.

- Thời gian thực hiện: Năm 2023.

- Kinh phí thực hiện: 2.471.000.000 đồng.

Hiện nay nhiệm vụ này đã được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thi công tại Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 12/5/2023, đang tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ hoàn thành năm 2023.

c) Chuyển đổi số trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng

- Nội dung thực hiện: Xây dựng phần mềm hỗ trợ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; nâng cấp, bổ sung các chức năng trên hệ thống phần mềm Quản lý đất đai, phần mềm quy hoạch kế hoạch để đáp ứng yêu cầu thực hiện một số thủ tục hành chính về đất đai trên môi trường điện tử như: (1) Thẩm định phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất; (2) Bồi thường, giải quyết thủ tục thu hồi, giao đất, thuê đất.

- Giải pháp thực hiện:

+ Các phòng, đơn vị chuyên môn phối hợp nghiên cứu xây dựng chi tiết các quy trình tiếp nhận, phân công, luân chuyển và xử lý các thủ tục trên môi trường điện tử hợp lý, thuận tiện. Đồng thời, mẫu hóa các báo cáo thẩm định, tờ trình, dự thảo giấy phép,...;

+ Nghiên cứu tích hợp chữ ký số, mã nhận dạng hồ sơ bằng QR-Code lên tất cả các văn bản, tài liệu liên quan.

+ Nghiên cứu giải pháp liên thông liên kết giữa các phần mềm Quản lý đất đai - Quy hoạch kế hoạch - Quản lý bồi thường, giải phóng mặt bằng - Điều hành công việc - eGov - Kho số... để đảm bảo quá trình luân chuyển và xử lý hồ sơ được thuận tiện.

+ Tổ chức tập huấn phần mềm và quán triệt việc nghiêm túc áp dụng hệ thống cho toàn thể công chức, viên chức tham gia giải quyết thủ tục hành chính về đất đai.

- Hiệu quả dự kiến:

+ Hình thành được môi trường tác nghiệp giải quyết các hồ sơ đất đai trên nền tảng số thay thế cho môi trường tác nghiệp truyền thống như hiện nay, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải quyết thủ tục hành chính.

+ Liên kết kết quả thực hiện ở các công đoạn của từng dự án một cách thông suốt giúp việc theo dõi chỉ đạo điều hành hiệu quả.

+ Xây dựng hoàn thiện các công cụ hỗ trợ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; hỗ trợ chuyên viên xử lý nhanh chóng, công khai, minh bạch.

+ Việc liên thông, liên kết giữa hệ thống phần mềm quản lý đất đai - Quy hoạch kế hoạch - Quản lý bồi thường, giải phóng mặt bằng-Điều hành công việc - eGov-Kho số... trong quá trình giải quyết hồ sơ đã giúp cho tác nghiệp của chuyên viên, lãnh đạo trên hệ thống trở nên dễ dàng thuận lợi. Đồng thời sau khi hoàn thành hồ sơ sẽ hình thành tức thời cơ sở dữ liệu đất đai và cơ sở dữ liệu lưu trữ trên Kho số đã giúp tiết kiệm thời gian và chi phí về tạo lập cơ sở dữ liệu.

- Thời gian thực hiện: Năm 2024.

- Khái toán kinh phí: 1.000.000.000 đồng.

d) Chuyển đổi số trong công tác đấu giá quyền sử dụng đất; giao đất/thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất; thực hiện nghĩa vụ tài chính; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đối với hồ sơ của tổ chức)

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng phần mềm hỗ trợ công tác đấu giá quyền sử dụng đất; nâng cấp, bổ sung các chức năng trên hệ thống phần mềm Quản lý đất đai, phần mềm quy hoạch kế hoạch để đáp ứng yêu cầu thực hiện một số thủ tục hành chính về đất đai trên môi trường điện tử gồm: (1) Quản lý chuyển mục đích sử dụng đất của tổ chức; (2) Thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất; (3) Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất; (4) Bồi thường, giải quyết thủ tục thu hồi, giao đất, thuê đất; (5) Phối hợp giải quyết thủ tục giao đất, thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức; (6) Quản lý công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của tổ chức.

- Giải pháp thực hiện:

+ Các phòng, đơn vị chuyên môn phối hợp nghiên cứu xây dựng chi tiết các quy trình tiếp nhận, phân công, luân chuyển và xử lý các thủ tục trên môi trường điện tử hợp lý, thuận tiện. Đồng thời, mẫu hóa các báo cáo thẩm định, tờ trình, dự thảo giấy phép,...;

+ Nghiên cứu tích hợp chữ ký số, mã nhận dạng hồ sơ bằng QR-Code lên tất cả các văn bản, tài liệu liên quan.

+ Nghiên cứu giải pháp liên thông liên kết giữa các phần mềm Quản lý đất đai - Quy hoạch kế hoạch - Đấu giá quyền sử dụng đất - Điều hành công việc - eGov - Kho số... để đảm bảo quá trình luân chuyển và xử lý hồ sơ được thuận tiện.

+ Tổ chức tập huấn phần mềm và quán triệt việc nghiêm túc áp dụng hệ thống cho toàn thể công chức, viên chức tham gia giải quyết thủ tục hành chính về đất đai.

- Hiệu quả dự kiến:

+ Hình thành được môi trường tác nghiệp giải quyết các hồ sơ đất đai trên nền tảng số thay thế cho môi trường truyền thống như hiện nay góp phần đẩy nhanh tiến độ giải quyết thủ tục hành chính.

+ Liên kết kết quả thực hiện ở các công đoạn của từng dự án một cách thông suốt giúp việc theo dõi chỉ đạo điều hành hiệu quả.

+ Hình thành công cụ cảnh báo, nhắc nhở kịp thời các hợp đồng thuê đất sắp hết hạn hoặc đến kỳ điều chỉnh giá;...

+ Xây dựng hoàn thiện các công cụ hỗ trợ công tác đấu giá quyền sử dụng đất; giao đất, thuê đất, đấu giá đất trên địa bàn tỉnh của tổ chức được xử lý nhanh chóng, công khai, minh bạch.

+ Việc liên thông, liên kết giữa hệ thống phần mềm Quản lý đất đai - Quy hoạch kế hoạch - Đấu giá quyền sử dụng đất - Điều hành công việc - eGov - Kho số... trong quá trình giải quyết hồ sơ đã giúp cho các tác nghiệp của chuyên viên, lãnh đạo trên hệ thống trở nên dễ dàng thuận lợi. Đồng thời sau khi hoàn thành hồ sơ sẽ hình thành tức thời cơ sở dữ liệu đất đai và cơ sở dữ liệu lưu trữ trên Kho số đã giúp tiết kiệm thời gian và chi phí về tạo lập cơ sở dữ liệu.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

- Khái toán kinh phí: 1.500.000.000 đồng.

đ) Chuyển đổi số trong công tác giám sát biến động bản đồ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng công cụ hỗ trợ quản lý sự cập nhật, thay đổi bản đồ địa chính như: Tách, hợp, chỉnh ranh thửa đất;

+ Xây dựng công cụ hỗ trợ cập nhật file trực tuyến đối với hồ sơ cá nhân, cung cấp số thửa chính trực tuyến, khai thác dữ liệu địa chính trực tuyến; chức năng tổng hợp các loại biến động.

+ Bổ sung chức năng cảnh báo khi có biến động thửa đất.

+ Xây dựng công cụ hỗ trợ xác định vị trí thửa đất.

+ Công tác xác minh số căn cước công dân liên kết với cơ sở dữ liệu địa chính thực hiện tiếp nhận và xử lý hồ sơ đất đai theo Điều 1, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP.

- Giải pháp thực hiện: Áp dụng công nghệ cơ sở dữ liệu Oracle, hệ thống thông tin địa lý ArcGis, Microstation, lập trình phát triển phần mềm .netframework, mã hóa đối xứng AES, mã hóa bất đối xứng RSA.

- Hiệu quả dự kiến:

+ Hỗ trợ công tác giám sát trực tuyến khi có biến động tách thửa, hợp thửa, chỉnh ranh trên bản đồ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính.

+ Giúp kịp thời kiểm tra, phát hiện việc cập nhật, chỉnh lý bản đồ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính. Giảm thiểu và hạn chế các tồn tại trên các sản phẩm địa chính.

- + Dễ dàng xác định vị trí của thửa đất.

- + Xác minh thông tin chủ đất nhanh chóng thông qua sổ căn cước công dân liên kết với cơ sở dữ liệu địa chính khi thực hiện tiếp nhận và xử lý hồ sơ đất đai.

- Thời gian thực hiện: Năm 2024.

- Khái toán kinh phí: 200.000.000 đồng.

e) Chuyển đổi số trong công tác đăng ký đất công để quản lý của UBND xã, phường, thị trấn

- Nội dung thực hiện: Bổ sung chức năng để quản lý, xử lý hồ sơ eGov về đăng ký quản lý đất công trên địa bàn tỉnh. Nâng cấp phần mềm để có thể thực hiện các nội dung nêu trên dưới dạng điện tử trên môi trường mạng và xuất các văn bản, báo cáo theo mẫu.

- Giải pháp thực hiện:

- + Áp dụng công nghệ cơ sở dữ liệu Oracle, hệ thống thông tin địa lý ArcGis, Microstation, lập trình phát triển triển phần mềm .netframework, mã hóa đối xứng AES, mã hóa bất đối xứng RSA.

- + Tích hợp chữ ký số lên các phần mềm.

- + Liên thông, liên kết giữa các phần mềm Quản lý đất đai - Điều hành công việc - Egov - Kho số.

- Hiệu quả dự kiến:

- + Hỗ trợ công tác tiếp nhận, thẩm định, trình phê duyệt quyết định giao đất quản lý trên môi trường mạng.

- + Giúp quá trình xử lý hồ sơ eGov về đăng ký quản lý đất công được nhanh chóng, công khai, minh bạch.

- + Lãnh đạo giám sát, theo dõi tiến độ xử lý trên môi trường điện tử mọi lúc mọi nơi.

- + Dễ dàng tìm kiếm, truy xuất và thống kê số liệu báo cáo.

- Thời gian thực hiện: Năm 2024.

- Khái toán kinh phí: 500.000.000 đồng.

g) Chuyển đổi số trong công tác thanh tra - kiểm tra

- Nội dung thực hiện: Nâng cấp phần mềm thanh tra - kiểm tra để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong công tác thanh tra - kiểm tra trên môi trường điện tử, gồm: (1) Chuyển đổi số trong công tác theo dõi việc thực hiện các kết luận thanh tra - kiểm tra - kiểm toán các cấp trên đối với Sở Tài nguyên và Môi trường; (2) Chuyển đổi số trong công tác kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; (3) Chuyển đổi số trong công tác tổng hợp, báo cáo trong lĩnh vực thanh tra - kiểm tra; (4) Chuyển đổi số trong công tác xử lý vi phạm hành chính; (5) Chuyển đổi số trong công tác tiếp nhận đơn thư khiếu nại, phản ánh, tố cáo (đối với đơn tố cáo không nhận trực tuyến).

- Giải pháp thực hiện:

+ Nghiên cứu xây dựng chi tiết quy trình nghiệp vụ tiếp nhận, phân công theo dõi giám sát công tác thanh tra - kiểm tra trên môi trường điện tử một cách hợp lý, thuận tiện; mẫu hóa các báo cáo, tổng hợp công tác thanh tra - kiểm tra dưới dạng eForm để thuận lợi trong việc báo cáo tổng hợp trực tuyến.

+ Nghiên cứu giải pháp liên thông liên kết giữa các phần mềm Thanh tra, kiểm tra - Điều hành công việc - eGov - Kho số... để đảm bảo quá trình luân chuyển và xử lý hồ sơ được thuận tiện.

- Hiệu quả dự kiến:

+ Hỗ trợ quản lý, theo dõi giám sát công tác hậu kiểm quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Giám sát công tác hậu kiểm kết quả thanh tra - kiểm tra; kịp thời có văn bản nhắc nhở, đôn đốc thực hiện.

+ Hỗ trợ công tác Báo cáo và tổng hợp báo cáo trực tuyến lĩnh vực thanh tra - kiểm tra Rút ngắn thời gian xử, tổng hợp số liệu, làm báo cáo, không phải nhập liệu thủ công; công tác báo cáo được kịp thời, đúng quy định; số liệu báo cáo tổng hợp nhanh chóng, chính xác; dễ dàng tìm kiếm, truy xuất và thống kê số liệu báo cáo.

+ Lãnh đạo giám sát, theo dõi tiến độ xử lý trên môi trường điện tử mọi lúc mọi nơi.

+ Thông tin của hồ sơ sau khi hoàn thành sẽ tích hợp vào phần mềm Quản lý hồ sơ thanh tra - kiểm tra và quản lý kho số giúp tiết kiệm thời gian và chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu.

- Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2025.

- Khái toán kinh phí: 1.500.000.000 đồng.

h) Chuyển đổi số trong công tác thẩm định, phê duyệt kế hoạch và kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại Sở

- Nội dung thực hiện:

+ Kiện toàn quy chế, triển khai công tác thẩm định, phê duyệt kế hoạch và kết quả thực hiện các nhiệm vụ trên phần mềm Hồ sơ điện tử.

+ Xây dựng quy trình thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ theo từng dạng hồ sơ và theo lĩnh vực.

+ Nâng cấp phần mềm để có thể thực hiện nội dung nêu trên dưới dạng điện tử trên môi trường mạng và xuất các văn bản, báo cáo thẩm định, Tờ trình, dự thảo Quyết định theo mẫu.

- Giải pháp thực hiện:

+ Bổ sung chức năng hỗ trợ xuất file dự thảo văn bản, Tờ trình, Quyết định... theo mẫu trên phần mềm Hồ sơ điện tử.

+ Áp dụng công nghệ cơ sở dữ liệu Oracle, chứng thư số và chữ ký số, nhận dạng mã Qrcode tự động, lập trình phát triển phần mềm .netframework, dịch vụ dữ liệu webservice.

- + Tích hợp chữ ký số lên phần mềm;

- + Liên thông các phần mềm Hồ sơ điện tử - Điều hành công việc - Kho số.

- Hiệu quả dự kiến:

- + Tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt kế hoạch và kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại Sở trên môi trường mạng; Mẫu hóa các báo cáo thẩm định, tờ trình, quyết định dạng văn bản điện tử và tích hợp chữ ký số, chứng thư số để luân chuyển hồ sơ qua môi trường mạng;

- + Liên thông liên kết giữa hệ thống hồ sơ điện tử với hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc trong quá trình giải quyết hồ sơ; sau khi hoàn thành sẽ được tạo lập tức thời cơ sở dữ liệu lưu trữ trên kho số;

- + Kiểm soát được tính đầy đủ hồ sơ, tránh trường hợp trả lại do thiếu hồ sơ, rút ngắn thời gian trình và phê duyệt kế hoạch, kết quả thực hiện.

- + Hỗ trợ công tác trình phê duyệt đúng thời hạn; Kịp thời cảnh báo chuyên viên về thời hạn xử lý.

- + Lãnh đạo theo dõi được quá trình phân công, xử lý và kết quả thực hiện đến từng chuyên viên.

- + Giúp tiết kiệm thời gian và chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu hồ sơ hành chính của Sở.

- Thời gian thực hiện: Năm 2024.

- Khái toán kinh phí: 200.000.000 đồng.

i) Chuyển đổi số trong công tác tổng hợp báo cáo Cải cách hành chính và Kiểm soát thủ tục hành chính

- Nội dung thực hiện: Nâng cấp phần mềm để có thể thực hiện Quản lý, tổng hợp báo cáo cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính tại Sở dưới dạng điện tử trên môi trường mạng và xuất các văn bản, báo cáo theo mẫu.

- Giải pháp thực hiện:

- + Áp dụng công nghệ cơ sở dữ liệu Oracle, chứng thư số và chữ ký số, nhận dạng mã Qrcode tự động, lập trình phát triển phần mềm .netframework, dịch vụ dữ liệu webservises.

- + Tích hợp chữ ký số lên phần mềm;

- + Liên thông các phần mềm báo cáo trực tuyến-Điều hành công việc-Egov.

- Hiệu quả dự kiến:

- + Hỗ trợ theo dõi, nhắc nhở các phòng đơn vị thực hiện tổng hợp báo cáo Cải cách hành chính và Kiểm soát Thủ tục hành chính theo các chỉ tiêu được phân công thông qua môi trường mạng.

- + Rút ngắn thời gian xử lý, tổng hợp số liệu, báo cáo, không phải nhập liệu thủ công; Công tác báo cáo được kịp thời, đúng quy định; Số liệu báo cáo tổng hợp nhanh chóng, chính xác; Dễ dàng tìm kiếm, truy xuất và thống kê số liệu

báo cáo; Hỗ trợ tích cực Cải cách hành chính và kiểm soát Thủ tục hành chính; Tạo cơ sở cho việc số hóa kết quả giải quyết Thủ tục hành chính.

+ Định kỳ đến ngày 15 của tháng cuối quý, hệ thống phải tự động thông báo và yêu cầu các phòng, đơn vị nhập các nội dung thuộc lĩnh vực mình phụ trách theo mẫu đề cương và biểu mẫu có sẵn trên hệ thống.

+ Khi cập nhật hoàn tất các nội dung như trên, các phòng đơn vị sẽ thao tác lệnh gửi, thì hệ thống sẽ tự động cập nhật các nội dung vào form báo cáo chung của Sở và báo cáo chung này sẽ được đồng bộ qua hệ thống báo cáo trên hệ thống của Chính phủ tại tài khoản nhập liệu.

+ Đến kỳ báo cáo Văn phòng sẽ vào trang hệ thống báo cáo Chính phủ tại địa chỉ <https://vpcp.baocaochinhphu.gov.vn> ở tài khoản nhập liệu để kiểm tra nội dung và trình ký số theo quy định (Văn phòng không phải thực hiện tổng hợp báo cáo thủ công qua văn bản giấy).

- Thời gian thực hiện: Năm 2024.

- Khái toán kinh phí: 500.000.000 đồng.

VI. KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý khái toán kinh phí

a) Đối với xây dựng, nâng cấp phát triển phần mềm

- Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành đơn giá xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Đối với xây dựng, chuyển đổi cơ sở dữ liệu

- Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về ban hành Đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Tổng khái toán kinh phí thực hiện

Khái toán kinh phí thực hiện Kế hoạch là 18.426.000.000 đồng (Mười tám tỷ, bốn trăm hai mươi sáu triệu đồng chẵn) và sẽ được dự toán chi tiết vào các kế hoạch hàng năm của từng nhiệm vụ cụ thể và trình phê duyệt theo quy định. Trong đó:

- Nguồn vốn: Nguồn sự nghiệp.

- Dự kiến tiến độ phân bổ kinh phí thực hiện theo từng năm như sau:

Thời gian	Nguồn vốn Sự nghiệp (VNĐ)
Năm 2023	6.626.000.000
Năm 2024	5.800.000.000
Năm 2025	6.000.000.000
Tổng	18.426.000.000

(Chi tiết tại Danh mục nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 kèm theo).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Kế hoạch. Có trách nhiệm phối hợp cùng các sở, ban ngành, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số và các lĩnh vực thuộc ngành tài nguyên và môi trường.

- Triển khai đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phải tuân thủ theo kiến trúc chính quyền điện tử đã triển khai; đảm bảo việc kết nối liên thông qua Trục liên thông.

- Hàng năm phối hợp Sở Thông tin Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch chuyển đổi số của ngành tài nguyên và môi trường.

- Tổng hợp tình hình triển khai Kế hoạch hàng năm của các đơn vị thuộc Sở và các địa phương. Định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện Kế hoạch, đề xuất điều chỉnh các nội dung cho phù hợp khi cần thiết.

2. Sở Thông tin Truyền thông

- Phối hợp, hỗ trợ kết nối, đồng bộ dữ liệu của ngành tài nguyên và môi trường vào hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh, của Trung ương khi có yêu cầu.

- Phối hợp thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền tại địa phương về chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Hàng năm, tổng hợp các nhiệm vụ, dự án, dự toán chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường vào Chương trình chuyển đổi số của tỉnh trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về nguồn kinh phí để triển khai Kế hoạch theo quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu bố trí vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch này.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa

- Căn cứ tình hình cụ thể tại địa phương để đưa các nội dung, nhiệm vụ chuyển đổi số lĩnh vực tài nguyên và môi trường vào kế hoạch thực hiện hàng năm.
- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.
- Định kỳ hàng năm, 06 tháng hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) gửi báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) tình hình, kết quả triển khai Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Long Khánh và Biên Hòa căn cứ nội dung kế hoạch triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kịp thời báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, TP. Long Khánh và TP. Biên Hòa;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTN.



Võ Văn Phi



Phụ lục

**HÀNH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số 187 /KH-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

TT	Tên nhiệm vụ/ dự án	Đơn vị chủ trì	Mới/ chuyển tiếp	Mục tiêu chính đầu tư	Thời gian	Tổng mức đầu tư	PHÂN BỐ KINH PHÍ			N
							Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
I	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ									
II	PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG SỐ									
1	Thu thập, số hóa và tạo lập CSDL các hồ sơ tài liệu lưu trữ của Sở; dữ liệu tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Sở TN&MT	Chuyển tiếp	- Cập nhật thường xuyên các tài liệu, dữ liệu vào kho dữ liệu số và CSDL chuyên ngành; đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu với kho lưu trữ của tỉnh và các cơ sở thành phần của ngành tài nguyên và môi trường; - Đảm bảo các quy định và yêu cầu về công tác văn thư, lưu trữ theo Luật Lưu trữ và Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ.	2023 - 2025	9.955	3.955	3.000	3.000	ng
2	Xây dựng dịch vụ dữ liệu liên thông giữa CSDL đất đai và CSDL quốc gia về dân cư		Mới	- Liên thông với CSDL quốc gia về dân cư xác thực và cập thông tin CCCD của người sử dụng đất vào CSDL đất đai; - Chia sẻ thông tin đất đai để làm giàu cho CSDL quốc gia về dân cư.	2023	200	200	0	0	ng
III	PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ									
3	Chuyển đổi số trong cấp phép tài nguyên khoáng sản	Sở TN&MT	Mới	- Tiếp nhận, phân công, giám sát điều hành công tác giải quyết các thủ tục cấp phép tài nguyên khoáng sản trên môi trường mạng; - Mẫu hóa các báo cáo thẩm định, tờ trình, giấy phép	2024	400	0	400	0	ng

TT	Tên nhiệm vụ/ dự án	Đơn vị chủ trì	Mới/ chuyển tiếp	Mục tiêu chính đầu tư	Thời gian	Tổng mức đầu tư	PHÂN BỐ KINH PHÍ			Ngũ vố
							Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
				đăng văn bản điện tử và tích hợp chữ ký số, chứng thư số để luân chuyển hồ sơ qua môi trường mạng; - Liên thông liên kết giữa các hệ thống quản lý khoáng sản với eGov, quản lý văn bản và điều hành công việc trong quá trình giải quyết hồ sơ; sau khi hoàn thành hồ sơ sẽ hình thành tức thời CSDL quản lý khoáng sản và CSDL lưu trữ trên Kho số; - Giám sát và cảnh báo giấy phép sắp hết hạn.						
4	Chuyển đổi số trong thẩm định, cấp phép hồ sơ môi trường và báo cáo trực tuyến công tác bảo vệ môi trường	Sở TN&MT	Mới	- Tiếp nhận, phân công, giám sát điều hành công tác giải quyết các thủ tục cấp phép môi trường trên môi trường mạng; - Mẫu hóa các báo cáo thẩm định, tờ trình, giấy phép đăng văn bản điện tử và tích hợp chữ ký số, chứng thư số để luân chuyển hồ sơ qua môi trường mạng; - Liên thông liên kết giữa hệ thống quản lý môi trường với hệ thống eGov, hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc trong quá trình giải quyết hồ sơ; sau khi hoàn thành hồ sơ sẽ hình thành tức thời cơ sở dữ liệu môi trường và cơ sở dữ liệu lưu trữ trên Kho số; - Nâng cấp hoàn thiện các chức năng phần mềm và cấu trúc CSDL đáp ứng yêu cầu tại Thông tư 02/2022/TTBTNMT, đồng thời tăng cường công cụ hỗ trợ báo cáo trực tuyến về công tác bảo vệ môi trường thay cho báo cáo giấy.	2023	2.471	2.471	0	0	S ngh
5	Chuyển đổi số trong công tác bồi thường,	Sở	Mới	- Tiếp nhận, phân công, giám sát điều hành việc bồi	2024	1.000	0	1.000	0	S

TT	Tên nhiệm vụ/ dự án	Đơn vị chủ trì	Mới/ chuyển tiếp	Mục tiêu chính đầu tư	Thời gian	Tổng mức đầu tư	PHÂN BỐ KINH PHÍ			N
							Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	giải phóng mặt bằng	TN&MT		thường, giải phóng mặt bằng trên môi trường mạng; - Liên kết kết quả thực hiện ở các công đoạn của từng dự án một cách thông suốt giúp việc theo dõi chi đạo điều hành hiệu quả; - Mẫu hóa các báo cáo thẩm định, tờ trình, quyết định... dưới dạng văn bản điện tử và tích hợp chữ ký số, chứng thư số để luân chuyển hồ sơ qua môi trường mạng; - Liên thông liên kết dữ liệu giữa các hệ thống thông tin đất đai; giao đất, thuê đất; bồi thường, giải phóng mặt bằng; eGov, quản lý văn bản và điều hành công việc; kho số;... trong quá trình giải quyết hồ sơ; - Hình thành công cụ cảnh báo, nhắc nhở kịp thời các hợp đồng thuê đất sắp hết hạn hoặc đến kỳ điều chỉnh giá;... - Xây dựng hoàn thiện các công cụ hỗ trợ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.						
6	Chuyển đổi sổ trong công tác đấu giá quyền sử dụng đất; giao đất/thuê đất; chuyển đổi mục đích sử dụng đất; thực hiện nghĩa vụ tài chính; cấp giấy chứng nhận QSDĐ	Sở TN&MT	Mới	- Tiếp nhận, phân công, giám sát điều hành công tác đấu giá quyền sử dụng đất; giao đất/thuê đất; chuyển đổi mục đích sử dụng đất; thực hiện nghĩa vụ tài chính; cấp giấy chứng nhận QSDĐ trên môi trường mạng; - Liên kết kết quả thực hiện ở các công đoạn của từng dự án một cách thông suốt giúp việc theo dõi chi đạo điều hành hiệu quả; - Mẫu hóa các báo cáo thẩm định, tờ trình, quyết	2025	1.500	0	0	1.500	ng

TT	Tên nhiệm vụ/ dự án	Đơn vị chủ trì	Mới/ chuyển tiếp	Mục tiêu chính đầu tư	Thời gian	Tổng mức đầu tư	PHÂN BỐ KINH PHÍ			Nguồn vốn
							Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	(đổi với hồ sơ của tổ chức)			định... dưới dạng văn bản điện tử và tích hợp chữ ký số, chứng thư số để luân chuyển hồ sơ qua môi trường mạng; - Liên thông liên kết dữ liệu giữa các hệ thống thông tin đất đai; giao đất, thuê đất; bồi thường, giải phóng mặt bằng; eGov, hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc; kho số;... trong quá trình giải quyết hồ sơ; - Hình thành công cụ cảnh báo, nhắc nhở kịp thời các hợp đồng thuê đất sắp hết hạn hoặc đến kỳ điều chỉnh giá;... - Xây dựng hoàn thiện các công cụ hỗ trợ công tác đầu giá quyền sử dụng đất.						
7	Chuyển đổi số trong công tác giám sát biến động bản đồ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính	Sở TN&MT	Mới	Tạo lập công cụ phục vụ công tác giám sát trực tuyến khi có biến động tách thửa, hợp thửa, chỉnh ranh trên bản đồ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính	2024	200	0	200	0	S. ngh
8	Chuyển đổi số trong công tác đăng ký đất công để quản lý của UBND xã, phường, thị trấn	Sở TN&MT	Mới	- Hỗ trợ công tác tiếp nhận, thẩm định, trình phê duyệt quyết định giao đất quản lý trên môi trường mạng.	2024	500	0	500	0	S. ngh
9	Chuyển đổi số trong công tác thanh tra - kiểm tra	Sở TN&MT	Mới	Nâng cấp, bổ sung hoàn thiện hệ thống CSDL thanh tra - kiểm tra đáp ứng các yêu cầu: - Giám sát công tác hậu kiểm Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.	2025	1.500	0	0	1.500	S. ngh

TT	Tên nhiệm vụ/ dự án	Đơn vị chủ trì	Mới/ chuyển tiếp	Mục tiêu chính đầu tư	Thời gian	Tổng mức đầu tư	PHÂN BỐ KINH PHÍ			N
							Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
				- Giám sát công tác hậu kiểm kết quả thanh tra - kiểm tra. - Báo cáo và tổng hợp báo cáo trực tuyến lĩnh vực thanh tra - kiểm tra.						
				- Tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt kế hoạch và kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại Sở trên môi trường mạng; - Mẫu hóa các báo cáo thẩm định, tờ trình, quyết định đang văn bản điện tử và tích hợp chữ ký số, chứng thư số để luân chuyển hồ sơ qua môi trường mạng; - Liên thông liên kết giữa hệ thống hồ sơ điện tử với hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc trong quá trình giải quyết hồ sơ; sau khi hoàn thành sẽ được tạo lập tức thời cơ sở dữ liệu lưu trữ trên Kho số;						
10	Chuyển đổi số trong công tác thẩm định, phê duyệt kế hoạch và kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại Sở	Sở TN&MT	Mới		2024	200	0	200	0	ng
11	Chuyển đổi số trong công tác tổng hợp báo cáo cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính	Sở TN&MT	Mới	Tạo lập công cụ hỗ trợ theo dõi, nhắc nhở các phòng đơn vị thực hiện tổng hợp báo cáo Cải cách hành chính và Kiểm soát Thủ tục hành chính theo các chỉ tiêu được phân công thông qua môi trường mạng;	2024	500	0	500	0	ng
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ					2023 - 2025	18.426	6.626	5.800	6.000	